

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 12 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị Đ và anh S

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Đặng Thị Xuân Mai – kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1993 – *Đề nghị xử vắng mặt*

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Đều có địa chỉ: thôn PM, xã HD, TT, Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Văn S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD (nay là xã HD). Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại gia đình nhà anh S, chung sống vui vẻ đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Do mâu

thuần căng thẳng, nên cũng từ năm 2017 chị và anh S ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

*Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị và anh S có một con chung là Đỗ Thị Yên Ng, sinh ngày 19/7/2016. Chị đề nghị giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn S vắng mặt nên không thu thập được chứng cứ do anh Sơn cung cấp.

Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2022 tại UBND xã HD có nội dung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2014, đăng ký tại UBND xã TD (cũ) nay là xã HD. Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến nay chị Đạt và anh Sơn có mâu thuẫn, vợ chồng không cùng chung sống với nhau. Địa chỉ nơi cư trú của anh Đỗ Văn S ở tại thôn PM, xã HD, huyện TT, tỉnh Thái Bình là đúng.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị Đ ly hôn anh S; Về con chung: Chị Đ và anh Sơn có một con chung là Đỗ Thị Yên Ng, sinh ngày 19/7/2016, đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Đạt trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Văn S có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã HD theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống căng thẳng không hạnh phúc nên dẫn đến việc chị Đ tách ra ở riêng ly thân anh S từ năm 2017 đến nay và nay có yêu cầu ly hôn. Anh S đã được nhận tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và giấy mời đến làm việc nhưng bỏ mặc không đến, không có giải pháp nào hòa giải cho anh, chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đ ly hôn anh S.

[2.2]. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Văn S có một con chung là Đỗ Thị Yên Ng, sinh ngày 19/7/2016. Hiện nay con chung do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét đề nghị của chị Đ được trực tiếp nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Thị Yên Ng, sinh ngày 19/7/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị Đ và anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung:* Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Đ ly hôn anh Đỗ Văn S.

**2. Về việc nuôi dưỡng con chung:** Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Văn S có một con chung là Đỗ Thị Yến Ng, sinh ngày 19/7/2016. Giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Thị Yến Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị Đ và anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung:** Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004190 ngày 26/9/2022. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND xã Hồng Dũng (nơi ĐKKH)
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hương Lan**



